

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2020

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mai Văn Thắm.

Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 777/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm: 1985. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh “Có mặt”.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Tấn T, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2019 và qua các lần làm việc cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc K trình bày: Chị cùng chồng là anh Huỳnh Tấn T chung sống với nhau vào năm 2007, trước đó có tìm hiểu vài tháng, hôn nhân tự nguyện, được gia đình hai bên chấp nhận, có đăng ký kết hôn ngày 24-9-2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng ở xã T, huyện G. Đến năm 2013 chị về gia đình cha mẹ ruột sống cho đến nay.

Vợ chồng có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Gia K, sinh năm 30-11-2010 hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 03 chỉ vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K chị không nhớ cân lượng, số nữ trang này hiện do mẹ chồng giữ, chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân sau khi cưới khoảng 2-3 tháng thì chồng chị bị tai nạn giao thông chấn thương sọ não và nằm bệnh viện hơn điều trị hơn 01 năm, nhưng vẫn không bình phục được hoàn toàn, chồng chị nói năng chậm chạp và không tự lo được cho bản thân. Do chị phải nuôi và chăm sóc chồng trong thời gian khoảng 03 năm từ bệnh viện cho đến khi về nhà. Từ đó, cả vợ chồng và con chị đều sống phụ thuộc vào cha mẹ chồng. Cho nên việc chồng bị tai nạn ảnh hưởng kinh tế gia đình. Năm 2013, sau khi chăm sóc chồng bình phục phần nào sức khỏe, chị dẫn con về sống cùng cha mẹ ruột và vợ chồng ly thân cho đến nay, từ ngày ly thân chị chỉ về nhà chồng khi đưa con về chơi, vợ chồng không bàn đến chuyện hàn gắn gia đình, chồng chị trước đây thỉnh thoảng có đến nhà chị thăm con nhưng từ năm 2016 đến nay thì không đến nữa, vợ chồng không ai bàn đến chuyện hàn gắn gia đình. Hiện tình cảm vợ chồng không còn.

Với những lý do trên nên chị yêu cầu được ly hôn với chồng chị là anh Huỳnh Tấn T.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chồng chị cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị làm công nhân ở Khu công nghiệp C, huyện D, mỗi tháng 7.000.000 đồng nên chị đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn T trình bày: Tất cả những lời chị K trình bày đều đúng. Anh chỉ bổ sung thêm phần mâu thuẫn, sau khi vợ chồng ly thân anh có đến chỗ vợ anh sống và kêu vợ quay về để vợ chồng chung sống lại nhưng vợ anh không đồng ý. Cách nay khoảng 04 năm anh không đến nhà vợ nữa, hiện vợ chồng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau.

Anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được đoàn tụ để vợ chồng về chung sống lại.

Nếu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của anh và giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu vợ anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đi bán vé số mỗi ngày được 100.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T. Về con chung: Giao con cho chị K nuôi, ghi nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị K và anh T chung sống với nhau vào năm 2007, có tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện H vào ngày 24-9-2010, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị K có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Xét mâu thuẫn giữa anh chị thì thấy: Anh chị cùng thống nhất vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khi anh T bị tai nạn giao thông và không bình phục lại sức khỏe được bình thường như trước đó; mâu thuẫn trầm trọng sau khi chị K sinh con. Cho đến hiện tại anh T không thể quan tâm, lo lắng cho vợ con về vật chất lẫn tinh thần; cũng như không thể chia sẻ được những thuận lợi, khó khăn với tất cả những vấn đề phát sinh trong cuộc sống gia đình với chị K được. Vợ chồng ly thân từ năm 2013 cho đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù khi chị K yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý nhưng theo như những nhận định trên thì thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K đối với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi cháu Huỳnh Nguyễn Gia K, sinh ngày 30-11-2013 và không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị K vẫn đang nuôi dạy và chăm sóc con tốt, cháu K hiện sinh sống và học tập ổn định với chị K từ năm 2013 đến nay. Mặt khác, cháu K có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Vì vậy, để bảo đảm cho sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu K, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị K và giao cháu K cho chị K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận chị K không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như vậy, toàn bộ đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc K đối với anh Huỳnh Tấn T. Chị K được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thị Ngọc K được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Huỳnh Nguyễn Gia K, sinh ngày 30-11-2010. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị K chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009861 ngày 10-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị K đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân Quỳnh